

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 701/QĐ-GDCTXBDNVBD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2026
của Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4952/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 15);

Theo đề nghị của phòng tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website TT;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
VÀ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ BÌNH DƯƠNG
CHƯƠNG: 422

Mẫu biểu số 74 C
TT26/2026/TT-BTC
ngày 25/3/2026 của BT



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 701 /QĐ-GDTXBĐNVBD ngày 16 / 10 /2026 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(1.107,061)
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.552,000
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	(19.659,061)